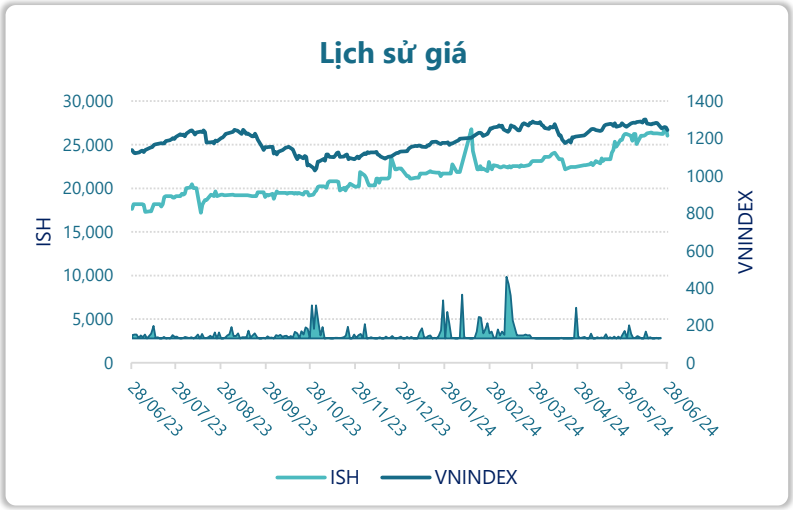
FireAnt

CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (UPCOM: ISH)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,982
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,191
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,830
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,215
P/E	16.0
EPS	1,689

DT thuần

Q2/24

42.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.1| 68.6%

YoY: ▼14.2| -25.1%

LN sau thuế

Q2/24

15.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.4| 276%

YoY: ▼8.80| -36.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

46.3%

+/- YoY: ▼ 8.6%

DT thuần

6T 2024

67.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.5| -27.5%

LN sau thuế

6T 2024

19.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -46.5%

ROE

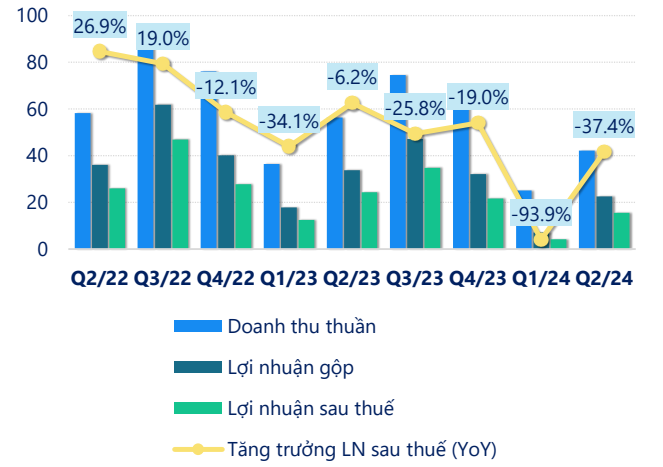
Q2/24

12.7%

+/- YoY: ▼ 5.3%

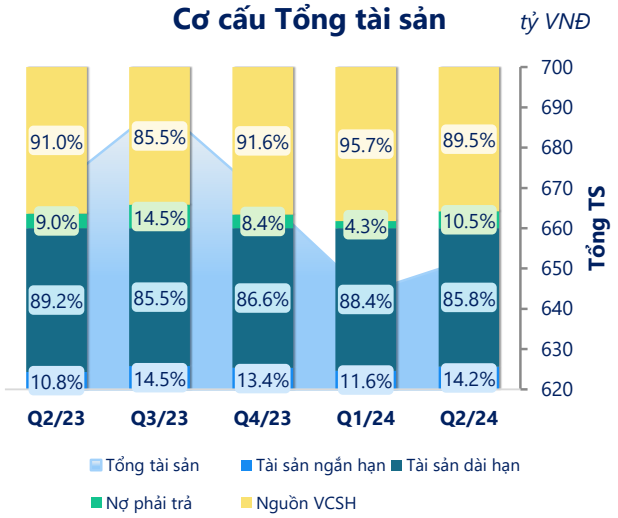
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



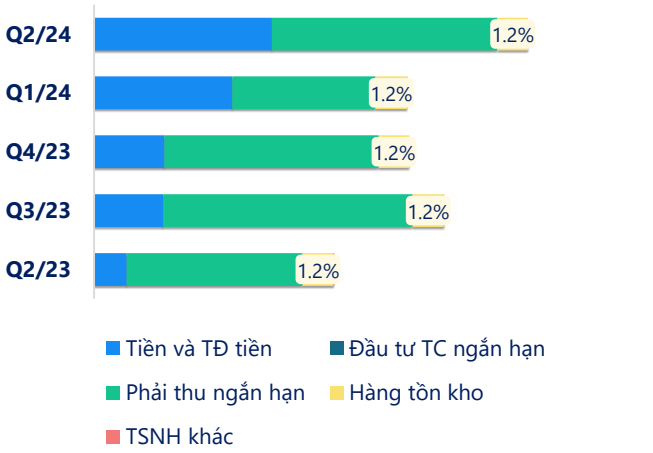
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



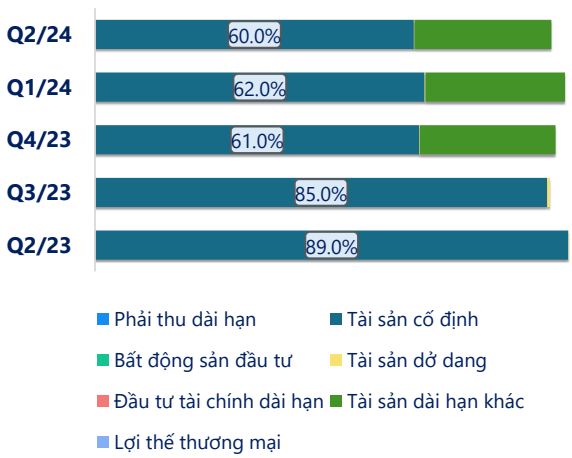
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



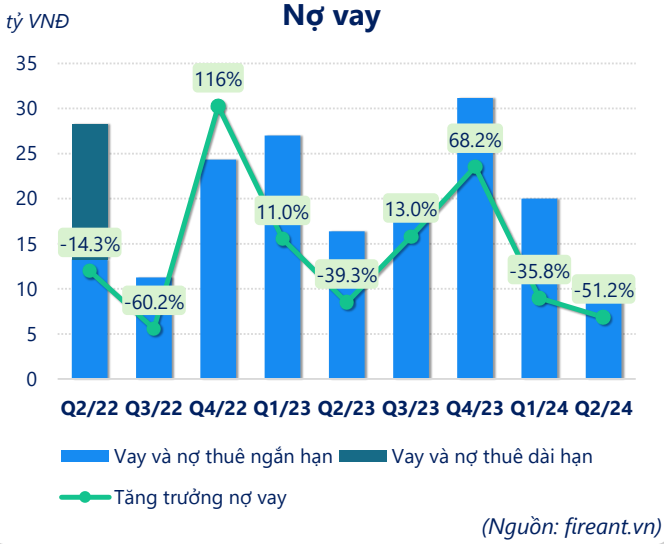
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



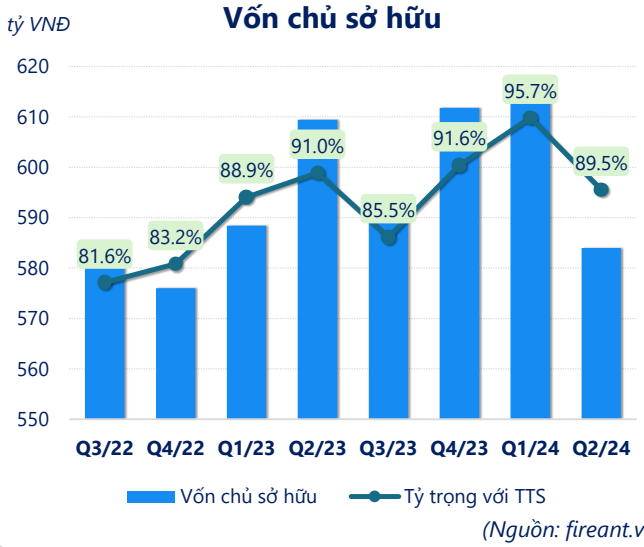
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



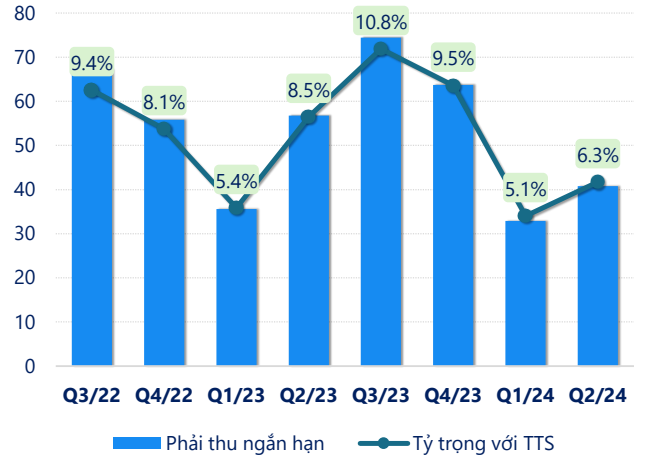
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



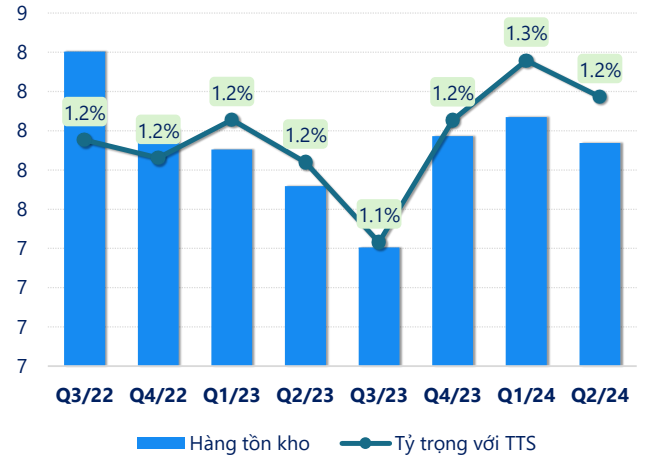
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



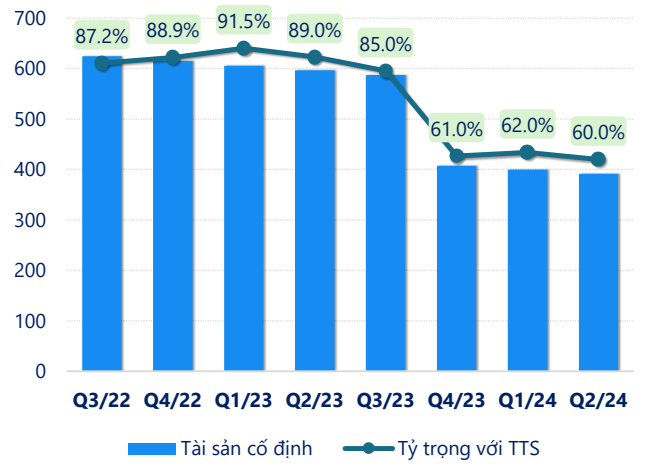
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



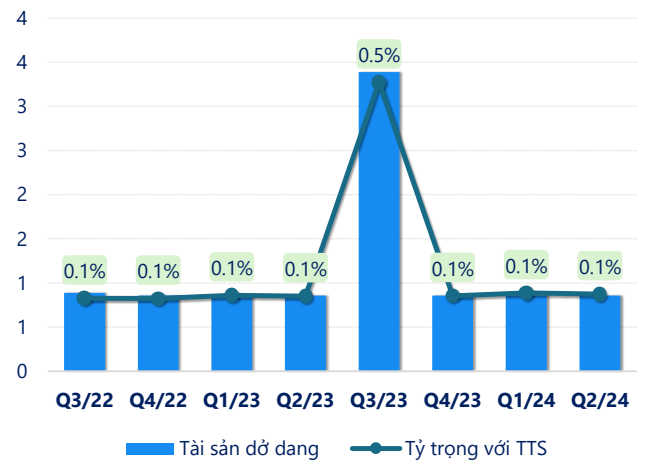
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



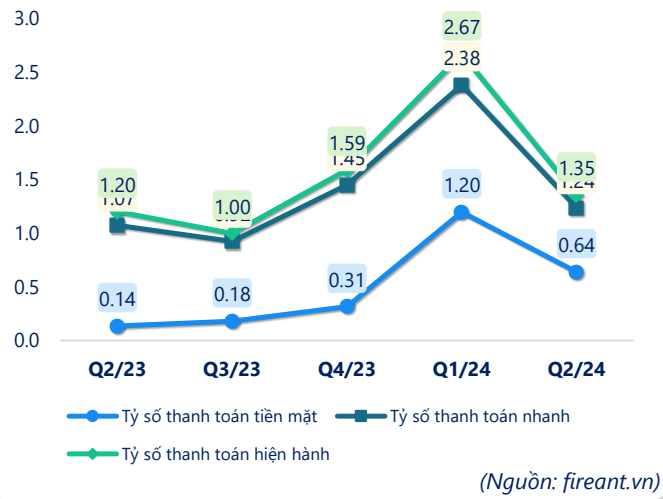
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



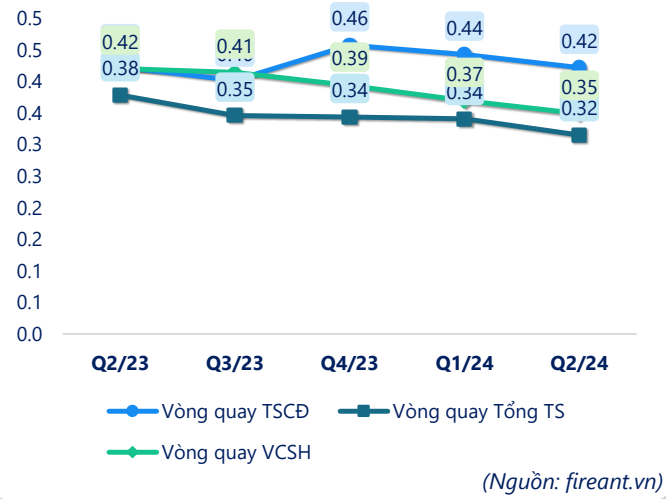
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**670**	**690**	**668**	**644**	**652**
Tài sản ngắn hạn	**72.7**	**99.9**	**89.3**	**74.7**	**92.4**
Tiền và tương đương tiền	8.18	17.9	17.6	33.5	43.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	56.8	74.4	63.7	32.9	40.8
Hàng tồn kho	7.72	7.41	7.97	8.07	7.94
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.11	0	0.27	0
Tài sản dài hạn	**597**	**590**	**579**	**569**	**560**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0	0	0
Tài sản cố định	596	587	407	399	391
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.86	3.39	0.86	0.86	0.86
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	170	169	168
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**60.5**	**100**	**56.1**	**28.0**	**68.4**
Nợ ngắn hạn	**60.5**	**100**	**56.1**	**28.0**	**68.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.4	18.5	31.2	20.0	9.76
Phải trả người bán ngắn hạn	0.11	2.45	0.16	0.26	0.14
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**609**	**590**	**612**	**616**	**584**
Vốn chủ sở hữu	**609**	**590**	**612**	**616**	**584**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)